

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 06/THUHANGFOOD/2021

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN THU HÀNG FOOD VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 306, tổ 1, phố Phú Viên, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 02432 161 392 Mã số doanh nghiệp: 0108501717

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 258/2018/NNPTNT-HAN; Ngày cấp 29/11/2018; Nơi cấp: Chi cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản Hà Nội.

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: **Mọc nấm hương**

2. **Thành phần:** Thịt nạc heo (85%); mỡ heo (10%); muối NaCl; đường kính trắng; chân nấm hương. **Phụ gia thực phẩm:** nấm men; bột bắp; protein; transglutaminasemal todestrincolagen; chất tạo phức kim loại, chất nhũ hóa :INS450(iii), INS451(i), INS450(i); chất điều chỉnh độ axit: INS262 (i), acid malic INS296; các axit béo INS471; Nisin INS234; chất chống đông vón: INS341(i), INS504 (i), INS551; chất làm dày: INS407, INS1412.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

Hạn sử dụng và bảo quản:

- Bảo quản ở nhiệt độ  $0^{\circ}\text{C} - 4^{\circ}\text{C}$ , thời hạn sử dụng là 60 ngày kể từ ngày sản xuất (nếu bảo quản trong ngăn đá tủ lạnh thì thời hạn sử dụng là 3 tháng kể từ ngày sản xuất)

- **Ngày sản xuất, hạn sử dụng:** in trên tem nhãn sản phẩm

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

+ Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh: 100g, 120g, 150g, 180g, 200g, 225g, 250g, 280g, 300g, 330g, 350g, 400g, 450g, 500g, 550g, 600g, 650g, 700g, 750g, 800g, 850g, 900g, 950g, 1kg, 1,3kg, 1,5kg, 2 kg, 2,5kg, 3kg, 3,5kg, 4kg, 4,5kg, 5kg, 10kg, 15kg, 20kg, 25kg



+ Chất liệu bao bì đóng gói: bao bì phức hợp có lớp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng nhựa có cấu trúc PA/LLPDE.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

+ Tên và cơ sở sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN THU HẰNG FOOD VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 306, tổ 1, phố Phú Viên, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm:** Theo mẫu nhãn dự kiến đính kèm

#### **IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật / quy định an toàn thực phẩm:

+ **QCVN 8-2:2011/BYT** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

+ **QCVN 8-3:2012/BYT** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

+ Thông tư số 24/2019/TT – BYT quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

*Hà Nội, ngày 24 tháng 09 năm 2021*

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**



**NGUYỄN THU HẰNG**



MẪU NHÃN DỰ KIẾN

SẢN XUẤT THEO CÔNG NGHỆ TRUYỀN THỐNG

MỘC NẤM HƯƠNG

*Thông tin cảnh báo: Không dùng sản phẩm khi túi đã bị xì chân không và hết hạn sử dụng.*

**Thành phần:** Thịt nạc heo (85%); mỡ heo (10%); muối NaCl; đường kính trắng; chân nấm hương. **Phụ gia thực phẩm:** nấm men; bột bắp; protein; transglutaminasemal todextrincolagen; chất tạo phức kim loại, chất nhũ hóa :INS450(iii), INS451(i), INS450(i); chất điều chỉnh độ axit: INS262 (i), acid malic INS296; các axit béo INS471; Nisin INS234; chất chống đông vón: INS341(i), INS504 (i), INS551; chất làm dày: INS407, INS1412.

**Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:** - Hàm lượng Protein:  $\geq 11.8\%$

- Hàm lượng Lipit:  $\geq 10\%$

**Hướng dẫn sử dụng:** hấp, chiên, thả lẩu hoặc chế biến các món theo nhu cầu.

**Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản ở nhiệt độ  $0^{\circ}\text{C}$  -  $4^{\circ}\text{C}$ , thời hạn sử dụng là 60 ngày kể từ ngày sản xuất (Nếu bảo quản sản phẩm trong ngăn đá tủ lạnh thì thời hạn sử dụng là 03 tháng kể từ ngày sản xuất).

**Ngày sản xuất, hạn sử dụng:** in trên tem nhãn sản phẩm

**Khối lượng tịnh:** in trên tem nhãn sản phẩm

Bổ dưỡng – Tiện lợi

SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM

Sản xuất độc quyền cho:

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ  
DỊCH VỤ NGỌC THƠM

Địa chỉ: 12/14/18, Đường 49, Khu phố 7, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hotline: 0918 424 325

Website: ngocthom.com.vn

Fanpage:

[www.facebook.com/Ngoc.Thom.Food.And.Drink/](https://www.facebook.com/Ngoc.Thom.Food.And.Drink/)

Chịu trách nhiệm về hàng hoá và  
sản xuất tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN THU HẰNG  
FOOD VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 306, tổ 01, phố Phú Viên,  
phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành  
phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 02432 161 392





Số: 11127/PKN-VKNQG

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

1. Tên mẫu: Mọc nấm hương  
2. Mã số mẫu: 04213077/DV.5  
3. Mô tả mẫu: Nguyên túi 250 g, nhiệt độ tại thời điểm nhận mẫu là 10 °C  
Số lượng: 2; NSX: 20/04/2021 - HSD: 18/06/2021; Không có mẫu lưu  
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu  
5. Thời gian lưu mẫu: Không có  
6. Ngày nhận mẫu: 20/04/2021  
7. Thời gian thử nghiệm: 20/04/2021 - 28/04/2021  
8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN THU HẰNG FOOD VIỆT NAM  
Địa chỉ: Số 306, Tổ 1, Phố Phú Viên, Phường Bồ Đề,  
Quận Long Biên, Hà Nội  
9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật



STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Salmonella	/25g	TCVN 10780-1:2017	KPH
9.2*	S. aureus	CFU/g	FDA-Bam chapter12:2019	KPH (LOD: 10 CFU/g)
9.3*	L. monocytogenes	CFU/g	ISO 11290-2:2017	KPH (LOD: 10 CFU/g)
9.4*	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	TCVN 4884-1:2015	9,7 x 10 <sup>3</sup>
9.5*	Cl. perfringens	CFU/g	TCVN 4991:2005	KPH (LOD: 1 CFU/g)
9.6*	Coliforms	CFU/g	TCVN 6848:2007	4,0 x 10 <sup>1</sup>
9.7*	E. coli	CFU/g	TCVN 7924-2:2008	KPH (LOD: 1 CFU/g)
9.8*	pH (đo trực tiếp)	-	NIFC.05.M.196	5,74
9.9	Cảm quan	-	NIFC.05.M.199	Mẫu dạng hình tròn, màu trắng, mùi vị đặc trưng của sản phẩm, không bị vỡ, không có mùi lạ
9.10	Hàm lượng Tro không tan trong axit HCl	g/100g	NIFC.02.M.05	0,04
9.11*	Hàm lượng Muối	g/100g	NIFC.02.M.07	0,51
9.12*	Hàm lượng Protein	g/100g	TCVN 8134:2009	11,8
9.13*	Hàm lượng nước	g/100g	TCVN 8135:2009	51,2
9.14*	Hàm lượng Lipid	g/100g	TCVN 8136:2009	31,1
9.15*	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004 mg/kg)
9.16*	Hàm lượng Chì	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	0,027
9.17*	Hàm lượng Thủy ngân	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004 mg/kg)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample  
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC  
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request  
4. (\*) Phương pháp được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025  
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.





BỘ Y TẾ  
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA  
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

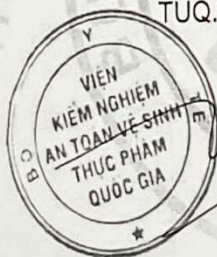
Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thiện Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam  
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, Q2, TP. HCM, Việt Nam  
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngõ Quyền, P. Đồng Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam  
Hotline: 19001065 Email: knnn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.18	Hàm lượng Aflatoxin B1, B2, G1, G2	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5 µg/kg)
9.19*	Hàm lượng Clortetracyclin	µg/kg	NIFC.04.M.001 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 5,0 µg/kg)
9.20*	Hàm lượng Oxytetracyclin	µg/kg	NIFC.04.M.001 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 5,0 µg/kg)
9.21*	Hàm lượng Tetracyclin	µg/kg	NIFC.04.M.001 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 5,0 µg/kg)
9.22*	Hàm lượng Cloramphenicol	µg/kg	NIFC.04.M.002 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,03 µg/kg)
9.23*	Hàm lượng Florfenicol	µg/kg	NIFC.04.M.002 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,1 µg/kg)
9.24*	Hàm lượng Salbutamol	µg/kg	NIFC.04.M.015 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,03 µg/kg)
9.25	Hàm lượng Estadiol	µg/kg	NIFC.04.M.115 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 10 µg/kg)
9.26*	Hàm lượng Testosterol	µg/kg	NIFC.04.M.115 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 1 µg/kg)

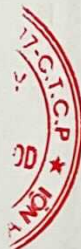
Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2021

TUQ.VIỆN TRƯỞNG



TRƯỞNG KHOA  
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG  
TS. Lê Thị Phương Thảo



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần hoặc toàn bộ kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm AT/STPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (\*) Phương pháp được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.